

NHU CẦU CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN CỦA VỊ THÀNH NIÊN NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH THÁI NGUYÊN

TRƯƠNG THỊ THU THỦY
Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới,
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Nhận bài ngày 18/7/2026. Sửa chữa xong 20/8/2026. Duyệt đăng 29/8/2026.

Abstract

This study examines the need for information on contraceptive methods and access to reproductive health care services among ethnic minority adolescents in Thai Nguyen province. A mixed-methods approach was used to collect data from 305 adolescents aged 15–19 years. The findings indicate that adolescents' contraceptive information needs focused more on the quality and effectiveness of methods than on their cost or where to obtain them. Female adolescents expressed substantially greater interest in contraception than male adolescents, suggesting that the gender stereotype that contraception is a woman's responsibility persists. Although the use of local reproductive health care services was low, adolescents rated service quality highly. These positive assessments reflect the health sector's efforts to meet the population's health care needs.

Keywords: Adolescents, Ethnic minorities, Reproductive health, Reproductive health care needs, Thai Nguyen province.

1. Đặt vấn đề

Chăm sóc sức khỏe sinh sản (SKSS) cho vị thành niên được Bộ Y tế Việt Nam xác định là một nội dung rất quan trọng nhằm đảm bảo chất lượng dân số và nguồn lao động, vì vậy, đã có nhiều chính sách và chương trình hành động được ban hành để đáp ứng các nhu cầu chăm sóc SKSS của vị thành niên. Kết quả của các chương trình như “Kế hoạch tổng thể quốc gia về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của vị thành niên và thanh niên Việt Nam giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến năm 2020”, “Chiến lược Dân số và SKSS Việt Nam giai đoạn 2011-2020”, “Đề án chăm sóc SKSS, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2021-2025”,... là Việt Nam đã đạt tiến bộ đáng kể trong việc cải thiện tình trạng SKSS của người dân trong những thập kỷ qua, trở thành một trong 6 quốc gia trên thế giới đạt được mục tiêu giảm tử vong mẹ thuộc Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDG) vào năm 2015 (UNFPA Việt Nam, n.d., 2026). Do đó, được chăm sóc SKSS còn có thể làm giảm tình trạng tảo hôn vốn khá phổ biến ở một số vùng dân tộc thiểu số (DTTS), đặc biệt là vùng Trung du và miền núi phía Bắc, giảm mang thai ở tuổi vị thành niên, ngăn ngừa các bệnh lây truyền qua đường tình dục và nâng cao chất lượng dân số (Tổng cục Thống kê và Ủy ban Dân tộc, 2020). Tuy nhiên, các nghiên cứu về SKSS của vị thành niên nói chung, vị thành niên DTTS nói riêng cho thấy kiến thức và thực hành về SKSS của các em hiện nay chưa toàn diện, mặc dù đã có nhiều nỗ lực nhưng Việt Nam vẫn chưa đáp ứng tốt nhu cầu của vị thành niên trong lĩnh vực này (Bộ Y tế và UNFPA, 2017; Bộ Y tế, 2020; Bùi Thị Mai Hương, 2020. Đào Nguyễn Diệu Trang, 2021; Lê Thị Đan Dung, 2022).

Ví dụ, Điều tra Quốc gia về SKSS và sức khỏe tình dục của thanh thiếu niên Việt Nam độ tuổi 10-24 đã ghi nhận khoảng 90% thanh thiếu niên được hỏi đã từng nghe nói về các biện pháp tránh thai (BPTT) hiện đại và 87% biết nơi mua nhưng chỉ có 35% được hướng dẫn cách sử dụng; đồng thời, nhu cầu của thanh thiếu niên về các BPTT hiện đại chưa được đáp ứng là khoảng 30% và tỷ lệ này là 48,4% ở phụ nữ chưa từng kết hôn trong độ tuổi 15-24 (Bộ Y tế và UNFPA, 2017). Một ví dụ khác, nghiên cứu của Huỳnh Giao và Nguyễn Thị Ngọc Hàn (2022) đã tiến hành khảo sát 401 HS tại Trường Phổ thông Dân tộc nội trú

Email: thuyttt.thfgs@vass.dcs.vn

tỉnh Lâm Đồng và Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT liên huyện phía Nam tỉnh Lâm Đồng cho thấy chỉ có 1/3 số HS có kiến thức đúng về SKSS (30,9%), trong đó, kiến thức về thời điểm dễ mang thai, các bệnh lây truyền qua đường tình dục và tác dụng của thuốc tránh thai trong phòng chống bệnh lây truyền qua đường tình dục có tỷ lệ đúng rất thấp. Thực trạng này cho thấy tìm hiểu nhu cầu chăm sóc SKSS của vị thành niên dân tộc thiểu số là một vấn đề quan trọng cần quan tâm nghiên cứu.

Bài viết phân tích nhu cầu chăm sóc SKSS của vị thành niên người dân tộc Tày và dân tộc Dao ở hai xã vùng cao thuộc tỉnh Thái Nguyên và mô tả các mong muốn từ phía gia đình, nhà trường, chính quyền địa phương trong lĩnh vực này nhằm nêu lên một số vấn đề cần quan tâm thực hiện trong thời gian tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Nguồn dữ liệu

Bài viết sử dụng dữ liệu của Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ “Chăm sóc SKSS vị thành niên DTTS ở tỉnh Thái Nguyên” (Mã số nhiệm vụ: KHXXH/NV/2025-19) do Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới, thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chủ trì thực hiện 2025-2026. Khảo sát này được thực hiện năm 2025 tại hai xã là xã Dân Tiến và xã Võ Nhai thuộc tỉnh Thái Nguyên, với mẫu khảo sát định lượng bằng bảng hỏi 305 nam, nữ vị thành niên từ 15-19 tuổi là người dân tộc Tày và dân tộc Dao tại tỉnh Thái Nguyên và 22 cuộc phỏng vấn định tính (gồm 18 phỏng vấn sâu và 4 thảo luận nhóm).

Về đặc điểm mẫu nghiên cứu, nhóm tuổi 15-17 chiếm 76,1% và nhóm 18-19 tuổi chiếm 23,9%. Về thành phần dân tộc, vị thành niên là dân tộc Tày chiếm 42,6% và dân tộc Dao chiếm 57,4%. Xét theo giới tính, nam vị thành niên chiếm 45,9% và nữ chiếm 54,1%. Về trình độ học vấn hiện có, 12,1% vị thành niên có học vấn THCS 78,4% có học vấn ở bậc THPT và 9,5% đang học trung cấp, cao đẳng, đại học.

2.2. Phương pháp phân tích

Để tìm hiểu và xác định được nhu cầu của vị thành niên DTTS về chăm sóc SKSS, nghiên cứu sẽ sử dụng các câu hỏi về nhu cầu tìm hiểu thông tin về các BPTT của vị thành niên cũng như mong muốn của vị thành niên về các nguồn thông tin chăm sóc SKSS; mức độ hài lòng của vị thành niên về các dịch vụ chăm sóc SKSS và các mong muốn từ phía gia đình, nhà trường, chính quyền địa phương nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu chăm sóc SKSS cho vị thành niên.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích chủ yếu là tần suất để mô tả nhu cầu thông tin và mức độ hài lòng về dịch vụ chăm sóc SKSS. Các kỹ thuật phân tích tương quan hai biến được sử dụng để xác định sự khác biệt trong nhu cầu và mức độ hài lòng về dịch vụ theo một số đặc điểm cá nhân của vị thành niên DTTS như giới tính, tuổi, dân tộc, tình trạng đi học. Một số thông tin định tính sẽ được đưa vào để làm rõ thêm nhu cầu của gia đình, nhà trường và chính quyền địa phương trong chăm sóc SKSS cho vị thành niên.

3. Kết quả nghiên cứu

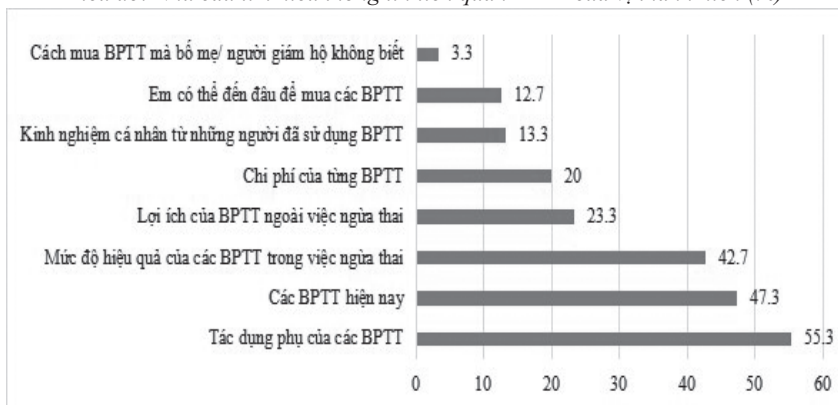
3.1. Nhu cầu và mức độ được đáp ứng khi tìm hiểu thông tin về các biện pháp tránh thai của vị thành niên dân tộc thiểu số

Kết quả khảo sát đã chỉ ra hiểu biết của vị thành niên DTTS về BPTT hiện nay còn hạn chế. Các em chỉ biết đến bao cao su hoặc thuốc tránh thai hàng ngày/khẩn cấp, thiếu kiến thức về các phương pháp dài hạn. Cụ thể, hai BPTT được vị thành niên biết đến nhiều nhất là bao cao su (96,4%) và thuốc tránh thai hàng ngày (82,8), tiếp đến là biết về thuốc tránh thai khẩn cấp (56,8%) và đặt vòng tránh thai (55,4%), có 30,4% em biết về phương pháp tính ngày rụng trứng và 19,8% biết về biện pháp cấy que tránh thai, các biện pháp còn lại như thuốc tiêm, miếng dán tránh thai, màng ngăn âm đạo,... có tỷ lệ thấp từ 1% đến dưới 10%. Trên thực trạng này, nghiên cứu đã phân tích đánh giá của vị thành niên về mức độ có đủ thông tin để quyết định dùng BPTT nào hay chưa và kết quả cho thấy, tỷ lệ vị thành niên cho biết đã có đủ thông tin quyết định dùng biện pháp tránh thai nào chỉ chiếm 42,7%, có 1/3 vị thành niên là không chắc chắn và 1/4 vị thành niên không có đủ thông tin để quyết định.

Nhu cầu tìm hiểu về BPTT của vị thành niên ở nhóm trả lời hiện không chắc chắn và nhóm không có đủ thông tin quyết định dùng BPTT khá đa dạng (biểu đồ 1). Trong đó, thông tin về tác dụng phụ của các BPTT được nhiều vị thành niên muốn tìm hiểu nhất, chiếm 55,3%, tiếp đến là thông tin về các loại biện pháp tránh

thai hiện nay (47,3%) và mức độ hiệu quả của các BPTT trong việc ngừa thai (42,7%). Điều này cho thấy thông tin về chất lượng, hiệu quả của BPTT là điều thu hút các em hơn cả, đồng thời số liệu cũng thể hiện việc tiếp cận và sử dụng các BPTT là tương đối dễ dàng khi không có quá nhiều em quan tâm chi phí hay điểm mua.

Biểu đồ: Nhu cầu tìm hiểu thông tin liên quan BPTT của vị thành niên (%)



Nguồn: Dữ liệu khảo sát của Nhiệm vụ khoa học cấp Bộ năm 2025-2026 “Chăm sóc SKSS vị thành niên DTTS ở tỉnh Thái Nguyên”

Nhu cầu tìm hiểu thông tin về các BPTT của vị thành niên có khác biệt theo dân tộc giới tính và nhóm tuổi. Cụ thể, xét theo dân tộc cho thấy, tỷ lệ vị thành niên người Dao có nhu cầu tìm hiểu về các loại BPTT hiện nay cao hơn đáng kể so với vị thành niên người Tày; nhóm nữ có nhu cầu tìm hiểu tác dụng phụ của các BPTT, về các loại BPTT hiện nay, về mức độ hiệu quả, lợi ích của BPTT ngoài việc ngừa thai cũng như kinh nghiệm cá nhân từ những người đã sử dụng BPTT đều cao đáng kể so với nhóm nam, cho thấy tư tưởng "tránh thai là việc của phụ nữ" vẫn phổ biến.

Có nhiều nguồn thông tin về chăm sóc sức khỏe mà vị thành niên DTTS có thể tiếp cận, trong đó, kết quả nghiên cứu cho thấy hai nguồn thông tin được nhiều vị thành niên mong muốn nhận được nhiều nhất là từ các cán bộ y tế như bác sĩ, y tá, dược sĩ (48%) và từ bố mẹ (18,5%). Có nhiều lợi ích của việc nhận thông tin từ cán bộ y tế vì họ là những người đã được đào tạo bài bản và có kiến thức chuyên sâu về y học, đảm bảo thông tin chăm sóc SKSS họ cung cấp là khoa học và đáng tin cậy, giúp vị thành niên hiểu đúng và đủ các vấn đề liên quan đến SKSS của mình. Việc lựa chọn các nguồn thông tin ưa thích của vị thành niên có khác biệt theo các đặc điểm nhân khẩu - xã hội. Cụ thể, nhóm vị thành niên nam, là người Dao, ở nhóm tuổi 15-17 có tỷ lệ lựa chọn nguồn thông tin chăm sóc SKSS từ bác sĩ/y tá/trạm y tế nhiều hơn các nhóm khác; trong khi đó, nhóm vị thành niên 18-19 tuổi ưa thích nguồn thông tin từ các trang thông tin điện tử, mạng xã hội hơn, điều này có thể là do ở độ tuổi trên các em thường đi học, đi làm nên việc tiếp cận các thông tin trực tuyến có lẽ thuận tiện hơn.

3.2. Mức độ hài lòng của vị thành niên dân tộc thiểu số trong sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản

Với câu hỏi trong 12 tháng qua, em có đến cơ sở y tế/hiệu thuốc hoặc nơi nào khác như các cuộc họp thôn xóm/đoàn thanh niên để mua BPTT, nhận thông tin về chăm sóc SKSS và sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe khác, kết quả cho thấy trong 12 tháng qua có 12,3% trong tổng số 302 vị thành niên có đến các cơ sở y tế, tỷ lệ này tập trung nhiều ở nhóm nữ (13,5% so với 10,8% ở nhóm nam), nhóm vị thành niên người Dao (14,5% so với 9,3% vị thành niên người Tày), nhóm đã nghỉ học (18% so với 10,8% nhóm đang đi học), nhóm hiện có tham gia hoạt động kinh tế (15,3% so với 9,5%), nhóm thường xuyên sử dụng Internet (13,5% so với 7,1%). Trong số 37 vị thành niên đã từng sử dụng dịch vụ chăm sóc SKSS thì 43,2% em đến để được tư vấn về tình dục và các bệnh lây truyền qua đường tình dục, 37,8% được tư vấn về các BPTT, 29,7% có thăm khám/điều trị các vấn đề liên quan bộ phận sinh sản như viêm nhiễm, nấm ngứa, kiểm tra tổng quát/định kỳ,... Các dịch vụ như BPTT, đi khám thai/tầm soát/điều trị bệnh trước sinh chiếm 8%. Nghiên cứu không ghi nhận trường hợp vị thành niên nào đi chăm sóc sau sảy thai/phá thai.

Địa điểm vị thành niên thường đến chăm sóc SKSS nhiều nhất trong 12 tháng qua là trạm y tế xã (27%), tiếp đến là bệnh viện huyện/bệnh viện đa khoa khu vực (21,6%) đến các buổi họp tuyên truyền, tư vấn của xã/thôn xóm/hội phụ nữ/Đoàn Thanh niên (21,6%), 16,2% đến hiệu thuốc tư nhân và 13.5% các em đến phòng khám tư nhân. Việc vị thành niên đến các cơ sở y tế là cực kỳ quan trọng bởi các nhân viên y tế tại đây có kiến thức chuyên môn để tư vấn về cách thức chăm sóc SKSS đúng cho vị thành niên. Điều này đảm bảo các em được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng, giúp giảm thiểu rủi ro ngoài ý muốn và nâng cao chất lượng cuộc sống của các em.

Đánh giá về chất lượng dịch vụ của địa điểm mà vị thành niên thường đến nhất trong 12 tháng qua là rất tích cực, cho thấy nỗ lực đáp ứng của ngành Y tế địa phương trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Hơn 90% các em có mức độ từ hài lòng và rất hài lòng với thủ tục, quy trình tư vấn/khám chữa bệnh, trình độ chuyên môn, thông tin về kết quả tư vấn/khám chữa bệnh, các dịch vụ phù hợp nhu cầu, kỹ năng giao tiếp của người cung cấp dịch vụ, về sự riêng tư/bảo mật thông tin cá nhân. Mức độ từ hài lòng và rất hài lòng với chi phí dịch vụ, thái độ của người cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất/trang thiết bị và khoảng cách đi lại từ nơi ở đến địa điểm cung cấp dịch vụ cũng đạt từ hơn 80 đến 89%.

3.3. Nhu cầu của gia đình, nhà trường và chính quyền địa phương về chăm sóc sức khỏe sinh sản cho vị thành niên dân tộc thiểu số

3.3.1. Nhu cầu của gia đình

Cha mẹ có vai trò đặc biệt quan trọng trong giáo dục và chăm sóc SKSS cho con tuổi vị thành niên, vì vậy, điều đáng mừng mà nghiên cứu ghi nhận được ở địa bàn khảo sát là nhận thức của cha mẹ vị thành niên DTTS về tầm quan trọng của giáo dục SKSS khá tốt. Họ dành sự quan tâm đến vấn đề giáo dục SKSS cho con thông qua việc tự mình tìm hiểu kiến thức, trò chuyện với con, hỗ trợ con khi con cần và phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục giới tính. Tuy nhiên, do địa bàn khảo sát là xã vùng cao có điều kiện kinh tế khó khăn, các gia đình làm nông nghiệp là chính nên điều kiện tiếp cận thông tin về SKSS và tâm sinh lý lứa tuổi vị thành niên còn tương đối hạn chế, chủ yếu theo kinh nghiệm cá nhân nên các cha mẹ cho biết họ và các con đều có nhu cầu được tiếp cận các thông tin giáo dục về sức khỏe phù hợp, mong muốn “các cơ quan chức năng quản lý được các trang mạng mang tính chất khiêu dâm, hình ảnh nhạy cảm làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của các cháu vì các cháu hay tìm hiểu những cái lạ, nó không tốt”, được tư vấn về chăm sóc SKSS vì “...chuyên môn để bố mẹ trao đổi về tâm sinh lý của các cháu thì vẫn còn hạn chế, lý do vì bố mẹ cũng chủ yếu là tự học hỏi kiến thức, tự rút kinh nghiệm từ xã hội thôi cũng chưa được đào tạo hay gì cả, cá nhân cũng rất mong trong thời gian tới các cơ quan chức năng có 1 buổi tư vấn cho các cháu tại địa phương trong lứa tuổi đấy” (Phòng vấn sâu người cha, dân tộc Tày). Việc tăng cường hỗ trợ kiến thức về chăm sóc SKSS cho cha mẹ sẽ góp phần giúp các em phát triển lành mạnh, biết chăm sóc và bảo vệ bản thân đúng cách.

3.3.2. Nhu cầu của nhà trường

Giáo dục SKSS cho HS đang ở tuổi vị thành niên là một nhiệm vụ quan trọng của ngành Giáo dục. Nhà trường không chỉ là nơi truyền đạt kiến thức mà còn đóng vai trò định hướng hành vi, hình thành kỹ năng sống và hỗ trợ tâm lý cho HS trong giai đoạn phát triển. Kết quả dữ liệu định tính cho thấy nhà trường đã có nhiều hoạt động để trang bị kiến thức chăm sóc SKSS cho HS: “Được sự quan tâm của chi ủy cũng như Ban giám hiệu nhà trường thì vấn đề chăm sóc SKSS cho HS rất được quan tâm, thể hiện ở việc lồng ghép các nội dung chăm sóc SKSS vào các môn học cụ thể như môn Sinh học hay là môn Giáo dục trải nghiệm. Bên cạnh đó, đoàn thể nhà trường đã phối hợp với tổ nhóm sinh địa thể chất quốc phòng để tổ chức các buổi tuyên truyền về chăm sóc SKSS. Trong một học kỳ tổ chức một buổi tuyên truyền này và cũng phối hợp với công ty Hoa Anh Đào tổ chức một buổi kỹ năng sống. Ngoài ra, trường còn tổ chức khảo sát và cho HS tham gia cuộc thi online về bình đẳng giới dành cho HS do Sở Y tế Thái Nguyên phát động (Phòng vấn sâu giáo viên THPT). Tuy nhiên, để thực hiện hiệu quả công tác giáo dục SKSS trong nhà trường cần có sự hỗ trợ về chương trình, tài liệu, đội ngũ chuyên môn và sự phối hợp từ gia đình, cộng đồng nhiều hơn nữa. Bên cạnh đó là khó khăn về cơ sở vật chất do nhà trường thiếu không gian để tổ chức các sự kiện cho HS toàn trường cùng tham dự, vì các buổi tuyên truyền có chuyên gia đến tư vấn chủ yếu gói gọn trong một buổi. “Khó khăn bên trường, em nghĩ đầu tiên là về cơ sở vật chất, ví dụ như nhà đa năng

của trường chỉ chứa được 500 HS thôi mà trường em có đến gần 1000 HS. Những hôm mà thời tiết ví dụ mưa như thế này thì cũng khó tổ chức được hoặc mời chuyên gia đến thì chỉ mở được một cái buổi đấy thôi do kinh phí chỉ giới hạn trong một buổi” (Phòng văn sâu giáo viên THPT).

3.3.3. Nhu cầu của chính quyền địa phương

Chăm sóc SKSS cho vị thành niên là một trong những nhiệm vụ quan trọng của chính quyền địa phương nhằm nâng cao chất lượng dân số, bảo vệ sức khỏe nguồn nhân lực trẻ và góp phần phát triển xã hội bền vững. Trong những năm gần đây, chính quyền hai xã Dân Tiến và Võ Nhai đã quan tâm hơn đến công tác truyền thông, tư vấn và cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS cho vị thành niên. Tuy nhiên, trước những thay đổi về xã hội, tâm lý và hành vi của thanh thiếu niên hiện nay, nhu cầu chăm sóc SKSS của các em ngày càng đa dạng, đòi hỏi hệ thống y tế địa phương phải có nhiều nỗ lực để đáp ứng nhu cầu. Ngoài các nhu cầu về nguồn nhân lực chuyên môn như cán bộ y tế có kỹ năng tư vấn tâm lý và SKSS cho thanh thiếu niên, bồi dưỡng giáo viên phụ trách giáo dục giới tính trong trường học, địa phương cũng mong muốn có nhiều hơn các hoạt động, chương trình phổ biến kiến thức về chăm sóc SKSS dành cho lứa tuổi thanh thiếu niên. “Bây giờ mong muốn của xã thì muốn được có những chương trình tập huấn trực tiếp hoặc có cách thức tuyên truyền nào đó phù hợp với đặc điểm của xã là phần lớn trẻ 15-19 tuổi đi làm đi học xa để cho các con em trong độ tuổi sinh sản được hiểu biết hơn về cách phòng chống các đường lây nhiễm qua đường tình dục, về độ tuổi kết hôn, sinh sản cũng như chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em (Thảo luận nhóm lãnh đạo xã).

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra nhu cầu cần cung cấp các thông tin đúng và đầy đủ về các BPTT hiện đại cho vị thành niên DTTS, đặc biệt là từ các cán bộ y tế bởi đây là nguồn thông tin đáng tin cậy về chất lượng chuyên môn mà nhiều vị thành niên mong muốn nhận được nhất. Nghiên cứu cũng gợi ý về việc tăng cường các hình thức truyền thông trên các nền tảng ứng dụng trực tuyến nhằm tăng khả năng tiếp cận vị thành niên DTTS, đặc biệt là với các em đi học, đi làm xa. Bên cạnh đó, việc đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc SKSS theo mô hình dịch vụ thân thiện với vị thành niên sẽ giúp các em mạnh dạn tiếp cận dịch vụ tại chỗ, giải quyết nhanh chóng các vấn đề gặp phải trong chăm sóc sức khỏe của bản thân. Đây là những nhu cầu cần ưu tiên đáp ứng để nâng cao chất lượng dân số và nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số trong tương lai. Nghiên cứu cũng ghi nhận các nhu cầu và mong muốn cụ thể từ phía gia đình, nhà trường và chính quyền địa phương trong lĩnh vực này. Các nhu cầu tập trung vào việc tăng cường kiến thức, cải thiện điều kiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng truyền thông - giáo dục và đẩy mạnh sự phối hợp giữa các bên liên quan trong quá trình chăm sóc và giáo dục SKSS cho vị thành niên DTTS.

Chú thích

(*) Bài viết là sản phẩm của Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ năm 2025-2026: “Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên dân tộc thiểu số ở tỉnh Thái Nguyên” (Mã số nhiệm vụ: KHXH/NV/2025-19) do TS. Trương Thị Thu Thủy làm chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới chủ trì.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Y tế (2020). Quyết định số 3781/QĐ-BYT ngày 28/8/2020 ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2020-2025.
- Bộ Y tế và UNFPA Vietnam (2017). Điều tra Quốc gia về sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục của thanh thiếu niên Việt Nam độ tuổi 10-24.
- Bùi Thị Mai Hương (2020). Thực trạng chăm sóc sức khỏe sinh sản của phụ nữ người dân tộc thiểu số và hiệu quả tăng cường hoạt động của cô đỡ thôn bản tại tỉnh Ninh Thuận. Luận án Tiến sĩ Y học. Viện Vệ sinh Dịch tễ trung ương.
- Đào Nguyễn Diệu Trang (2021). Nghiên cứu thực trạng sức khỏe sinh sản và đánh giá hiệu quả của mô hình can thiệp ở nữ vị thành niên huyện miền núi A Lưới, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Luận án Tiến sĩ Y học, Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế.
- Huỳnh Giao, Nguyễn Thị Ngọc Hân (2022). Kiến thức về sức khỏe sinh sản ở học sinh phổ thông trung học tại tỉnh Lâm Đồng. Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh, tập 26, số 2, tr. 350-355.
- Lê Thị Đan Dung (chủ biên, 2022). Tiếp cận và sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản của vị thành niên nữ dân tộc thiểu số: Thực trạng và giải pháp (Sách chuyên khảo). NXB Khoa học xã hội.
- Tổng cục Thống kê và Ủy ban Dân tộc (2020). Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. NXB Thống kê.
- UNFPA in Vietnam (n.d) (2026). Sexual Reproductive Health and Rights. Overview. <https://vietnam.unfpa.org/en/topics/sexual-reproductive-health-and-rights>.